

Exercise (Unit 1+2)

1. Nói từ còn thiếu vào chỗ trống: (Bấm vào ô trống sau đó phát âm)



MON

/ 'mʌn.deɪ/

: Thứ hai



TUE

/ 'tuːz.deɪ/

: Thứ ba



WED

/ 'wenz.deɪ/

: Thứ tư



THU

/ 'θɜːz.deɪ/

: Thứ năm



FRID

/ 'fraɪ.deɪ/

: Thứ sáu



SAT

/ 'sæt.ə.deɪ/

: Thứ bảy



SUN

/ 'sʌn.deɪ/

: Chủ nhật

2. Xếp hình phía dưới vào từ đúng: (Bấm vào từ để nghe phát âm)

Music room	Friend	Teacher	Playground	Classroom



Piano	Guitar	Seesaw	Microphone	Drum



School bus	Slide	Swing	Sandbox



3. Chọn đáp án đúng:

1- What is it?



Playground

Sandbox

School bus

2- Who is this?



Student

Teacher

Friend

3- What is it?



Slide

Seesaw

Swing

4- Who is this?



Friend

Teacher

Sandbox

5- What is it?



Piano

Drum

Guitar